

Bản án số: 158/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Mai Khanh
- Ông Trần Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Chiến, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Võ Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ: xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Chị Trịnh Thị Q, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Hiện đang cư trú tại Ba Lan. Vắng mặt (lần thứ hai).

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1968; Địa chỉ: xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong “Đơn khởi kiện” đề ngày 14/6/2023, Bản tự khai ngày 03/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Văn C trình bày: A và chị Trịnh Thị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 chị Q xuất cảnh sang đất nước Ba Lan làm ăn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Hiện nay anh xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trịnh Thị Q. Tuy nhiên, do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên anh Võ Văn C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Trịnh Thị Q tại Ba Lan mà chỉ biết chị Q vẫn thường xuyên liên lạc về với mẹ đẻ là bà Đặng Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và bà L biết địa chỉ cụ thể của chị Q ở Ba Lan nên đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị Trịnh Thị Q có hai con chung là cháu: Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Võ Thị Thiên K, sinh ngày 01/5/2016. Hiện nay, cháu Võ Thị Mỹ D do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Võ Thị Thiên K do bà Đặng Thị L (mẹ đẻ của chị Trịnh Thị Q) chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị Trịnh Thị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là chị Trịnh Thị Q vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo kết quả xác minh tại Công văn số 2470/QLXNC- P3 ngày 31/01/2024 của Cục Q1 – Bộ C1 thì: “Trường hợp Trịnh Thị Q, sinh ngày 20/11/1992 tại Nghệ An; CMND số 186881419; khai hộ khẩu thường trú tại: N, N, Nghệ An; đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần cuối sử dụng hộ chiếu số N2471357 để xuất cảnh ngày 28/6/2022 qua cửa khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh”. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn đề nghị gia đình chị Q cung cấp thông tin, địa chỉ của chị Q ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng chị Q vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 04/4/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L (mẹ đẻ chị Trịnh Thị Q) trình bày: Chị Trịnh Thị Q là con gái của bà, đang sinh sống tại đất nước B, địa chỉ cụ thể như thế nào bà không biết rõ. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ của Tòa án. Bà đã thông tin cho chị Q được biết việc cung cấp địa chỉ và ý kiến về việc giải quyết ly hôn với anh C cho Tòa án. Chị Q có nói với bà là hiện nay chị Q làm ăn ở Ba Lan nhưng không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nên bà không thể cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Q ở nước ngoài cho Tòa án được. Về việc ly hôn với anh C, chị Q cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị Q mong muốn được nuôi dưỡng cháu Võ Thị Thiên K, nhờ bà L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước, còn giao cháu Võ Thị Mỹ D cho anh C nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ trước tới nay, bà là người trực tiếp chăm sóc cháu Võ Thị Thiên K và hiện nay cháu đang ở với bà. Nay anh C và chị Q ly hôn, bà không yêu cầu anh C và chị Q thanh toán tiền nuôi dưỡng cháu từ trước đến nay. Nếu Tòa án giao cháu Võ Thị Thiên K cho chị Q chăm sóc nuôi dưỡng thì bà đồng ý nuôi dưỡng chăm sóc cháu thay chị Q cho đến khi chị về nước và không yêu cầu thanh toán chi phí chăm sóc nuôi dưỡng. Bà đề nghị vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 122, 123 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Võ Văn C được ly hôn chị Trịnh Thị Q.

+ Về con chung: giao hai cháu Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Võ Thị Thiên K, sinh ngày 01/5/2016 cho anh Võ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q do anh C chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản, nợ chung: Đang sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Võ Văn C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14/6/2003, anh Võ Văn C có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Trịnh Thị Q. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh C, chị Q đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nhưng từ khoảng năm 2016 thì chị Q đã đi xuất khẩu lao động ở Ba Lan đến nay chưa về nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Q là bị đơn và bà Đặng Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Bà L đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chị Trịnh Thị Q, hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nhưng đã xuất khẩu lao động tại Ba Lan từ năm 2016, không có mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay. Tòa án đã có công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ chị Q ở nước ngoài nhưng theo bà Đặng

Thị L (mẹ đẻ chị Q) thì chị Q tuy vẫn có liên hệ với gia đình và đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của anh Võ Văn C nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ cụ thể, không gửi lời khai về nên gia đình không có để cung cấp cho Tòa án. Do đó, cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trịnh Thị Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn C:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Võ Văn C và chị Trịnh Thị Q được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay mà không quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã ly thân nhiều năm nay mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, nguyên đơn anh C cũng kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh C yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh C, bà L đều thống nhất trình bày: Vợ chồng anh C, chị Q có hai con chung là Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Võ Thị Thiên K, sinh ngày 01/5/2016, hiện nay, cháu D đang ở với anh C còn cháu K đang ở với bà ngoại là bà Đặng Thị L. Nay ly hôn, anh C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. Bà L cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Hội đồng xét thấy: Mặc dù từ trước đến nay cháu K đã ở cùng với bà ngoại nhưng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ. Mặt khác, chị Q hiện nay đang ở nước ngoài; bà L cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của chị L nên cần giao cả hai cháu cho anh Chính trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy

định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và điều kiện hoàn cảnh của các bên. Anh C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu nhưng không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét.

Về công sức trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Võ Thị Thiên K: bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ nhỏ đến nay nhưng chưa yêu cầu anh C, chị Q phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Q cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Anh Võ Văn C phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn C.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Võ Văn C được ly hôn với chị Trịnh Thị Q.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao hai con chung là Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2011 và Võ Thị Thiên K, sinh ngày 01/5/2016 cho anh Võ Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Võ Văn C không yêu cầu và chị Trịnh Thị Q cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

Chị Trịnh Thị Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Trịnh Thị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Văn C và chị Trịnh Thị Q không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Võ Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012700 ngày 29/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau: Anh Võ Văn C, bà Đặng Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Trịnh Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam Kim, huyện Nam Đàn  
(theo Giấy ĐKKH số 45/2010 ngày 20/4/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**